

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN P**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2020

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Giang

2. Ông Trần Thanh Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975; nơi cư trú: X ấp A, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: ông **Trần Văn P**, sinh năm 1975; nơi cư trú: X ấp A, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:* bà và ông Trần Văn P quen biết được một thời gian rồi đi đến hôn nhân, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996, nhưng đến ngày 11/9/1999 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ông P thường xuyên say xỉn, gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn nhưng không thành, ông P vẫn tính nết như vậy, không sửa chữa; vợ chồng bà hiện nay đang sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng

không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông P. Về con chung, có 02 con chung là Trần Nhật A (nam) sinh ngày 23/4/2006 và Trần Tấn Đ (nam) sinh ngày 27/4/1997, bà yêu cầu nuôi cháu Nhật A và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 11/9/1999 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 12/11/2019 bà H yêu cầu ly hôn, nuôi con, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bị đơn Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt; cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định.

[3] Quá trình chung sống, bà H và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông P thường xuyên say xỉn không chăm lo cuộc sống gia đình, còn có những hành vi bạo lực gia đình. Bà H đã cố gắng hàn gắn nhưng ông P không thay đổi nên tình nghĩa vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông P đã biết bà H xin ly hôn nhưng ông không có ý kiến phản đối, không đến tham gia phiên phiên tòa, cũng không quan tâm và bỏ mặc. Tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông P mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, bà H yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung, bà H và ông P có hai người con chung là Trần Nhật A (nam) sinh ngày 23/4/2006 và Trần Tấn Đ (nam) sinh ngày 27/4/1997. Cháu Nhật A hiện do bà H nuôi dạy và cũng có nguyện vọng chung sống với mẹ, cần tiếp tục con cho bà H nuôi dưỡng để tránh thay đổi điều kiện sinh sống của cháu. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, bà H không có yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H với ông Trần Văn P.

- *Về con chung*: Trần Tấn Đ (nam) sinh ngày 27/4/1997 đã thành niên; giao Trần Nhựt A (nam) sinh ngày 23/4/2006 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông P, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017260 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã L;
- Lưu HS (2b).

***Liêng Thị Hồng Hoa***